

Bản án số: 63/2019/HS-ST

Ngày: 20/11/2019

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH AN GIANG**

***Th phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Huỳnh Thị Bạch Tuyết

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Ông Nguyễn Văn Cư;

- Bà Nguyễn Thị Lệ.

***Thư ký phiên toà:*** Bà Nguyễn Thị Thùy Dương - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:*** Ông Trần Huy Cường - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 11 năm 2019, tại phòng xử án Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 63/2019/TLST-HS ngày 30 tháng 10 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 239/2019/QĐXXST-HS ngày 05/11/2019 đối với các bị cáo:

1. Đồng Văn H, sinh năm 1982; Nơi sinh: HN - ĐT; Nơi cư trú (ĐKHKT): khóm ST, phường AL, thị xã HN, tỉnh ĐT; Nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ văn hóa: 12/12; Giới tính: nam; Dân tộc: kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Đồng Văn N, sinh năm 1943 và bà Trần Thị D, sinh năm 1951; Sống chung như vợ chồng với Tô Thị Thanh Tr, sinh năm 1987 (đã ly hôn). Có 01 người con sinh năm 2018.

Tiền án, tiền sự: Không;

2. Nguyễn Tấn Th, sinh ngày 25/11/1984; Nơi sinh: TB - CM; Nơi cư trú (ĐKHKT): ấp 2, xã TP, huyện TB, tỉnh CM; Nghề nghiệp: thuyền trưởng; Trình độ văn hóa: 05/12; Giới tính: nam; Dân tộc: kinh; Tôn giáo: Đạo Thiên Chúa; Con ông: Nguyễn Văn X, sinh năm: 1948 và bà Dương Định Tr, sinh năm 1951 (chết); vợ: Nguyễn Thị Thúy A, sinh năm 1982; con: có 02 người, lớn sinh năm 2013, nhỏ sinh năm 2016.

Tiền án, tiền sự: Không;

Các bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

*Bị hại:* Ông Triệu Thanh S, sinh năm 1964 và bà Nguyễn Thị Tuyết M, sinh năm 1962; Địa chỉ: khóm LTA, phường LT, thị xã TC, tỉnh AG, có mặt.

*Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Chị Nguyễn Thị Thúy A, sinh năm 1982; Địa chỉ: khóm ĐT5, phường MP, thành phố LX, tỉnh AG, có mặt.

*Người làm chứng:*

1. Ông Lê Văn M, vắng mặt;
2. Ông Nguyễn Hồng Ph (B), vắng mặt;
3. Ông Nguyễn Văn Ph1 (B1), vắng mặt;
4. Ông Trần Văn H, vắng mặt;
5. Ông Lê Văn S1 (S1), vắng mặt;
6. Bà Huỳnh Kim H1, vắng mặt;
7. Ông Trần Việt H2, vắng mặt;
8. Ông Phan Văn H3, vắng mặt;
9. Ông Trần Văn N, vắng mặt;
10. Ông Nguyễn Văn D, vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Tấn Th là chủ phương tiện tàu thủy (Sà Lan) số hiệu AG 241.59 và Th có bằng thuyền trưởng phương tiện thủy nội địa (hạng nhì).

Khoảng 16 giờ, ngày 26/6/2019 phương tiện tàu thủy (Sà Lan) số hiệu AG 241.59 đang neo đậu trên Sông Hậu thuộc phường ML, thành phố LX, tỉnh AG. Lúc này, Th kêu Đồng Văn H, Lê Văn M, Nguyễn Văn Ph1 (làm thuê cho Th), nhưng không có bằng thuyền trưởng phương tiện thủy nội địa, điều khiển phương tiện tàu thủy (Sà Lan) số hiệu AG 241.59 đến xã VX, thị xã TC để nhận cát, còn Th đi đôi bằng thuyền trưởng và khám bệnh sẽ lên sau. Sau khi được Th giao, M điều khiển phương tiện thủy số hiệu AG 241.59 cùng với H và Ph1. Đến khoảng 00 giờ ngày 27/6/2019, M điều khiển phương tiện tàu thủy đến huyện CT, H kêu M đi ngủ để H điều khiển, H điều khiển phương tiện tàu thủy đi theo hướng huyện CT– thị trấn CV, huyện PT. Đến khoảng 04 giờ cùng ngày, H điều khiển phương tiện tàu thủy trên đến khu vực sông Tiên thuộc khóm LH1, phường LT, thị xã TC, H thấy trời đang chuyển mưa, nên H buông tay lái ra, rồi đi ra phía trước buồng lái để đóng cửa sổ buồng lái lại, xong, H đi trở vào buồng lái thì thấy phần mũi của phương tiện tàu thủy (Sà Lan), hướng vào bờ và đâm vào 02 bè nuôi cá basa giống của ông Triệu Thanh S và bà Nguyễn Thị Tuyết M, làm 02 bè nuôi cá bị hư hỏng và cá trong bè thoát ra sông, gây thiệt hại về tài sản của ông S và bà M.

Kết quả khám nghiệm hiện trường ngày 27/6/2019, sơ đồ và các bản ảnh ghi lại:

- Hiện trường xảy ra tai nạn là nơi neo đậu bè nuôi cá của ông Triệu Thanh S và bà Nguyễn Thị Tuyết M nằm trên đoạn sông Tiền tại KM 235 + 200 thuộc khóm LH1, phường LT, thị xã TC, là đoạn sông thẳng, có dòng chảy theo hướng Thượng lưu – Hạ lưu (TC – LX).

- Ghi nhận việc đánh số thứ tự theo số tự nhiên: (1) Phương tiện thủy số hiệu AG 241.59; (2) Bè gỗ kích thước 9,1 x 5,5 x 06 mét; (3) Bè gỗ kích thước 12,2 x 06 x 06 mét; (4) Bè gỗ kích thước 12,9 x 9,5 x 0,6 mét.

- Xác định điểm mốc và chọn mép đường làm chuẩn.

+ Chọn phao màu vàng (phao báo hiệu dòng nước của bên phà) nằm ở bờ phải phía Hạ lưu làm điểm mốc.

+ Chọn bờ phải thuộc địa phận thị xã TC làm chuẩn.

- Mô tả theo số thứ tự vị trí phương tiện:

+ (1) Phương tiện thủy số hiệu AG 241.59 nằm ở phía bờ phải và giữa bè (3) và bè (4), phần mũi quay về hướng TC hơi chệch vào bờ phải, phần lái quay về hướng LX hơi chệch về bên trái, mạn trái cách bờ chuẩn 29 mét, phần lái cách phao vàng là 100 mét.

Đầu mũi phương tiện (1) cách mép trái bè (3) là 10,30 mét, cách mép phải bè (4) là 8,10 mét, cách bến phà Tân Châu 60 mét.

Mép trái đuôi phương tiện (1) cách phà xăng Ngọc H là 01 mét.

+ Bè (2) nằm ở vị trí gần bờ phải và cách bờ là 17 mét.

+ Bè (3) nằm ở vị trí giữa bè (2) là phương tiện (1), phần lòng bè bị chìm hoàn toàn.

Mép trái bè (3) cách mũi phương tiện (1) là 10,30 mét.

Phần đỉnh đầu của mái (phía thượng lưu) cách mặt nước là 1,34 mét.

Phần đỉnh đuôi của mái bè (phía hạ lưu) cách mặt nước là 1,95 mét.

+ Bè (4) ở vị trí bên mạn phải phương tiện thủy (1), đầu mép phải bè (4) cách đầu mũi phương tiện thủy (1) là 8,10 mét.

Phần góc trái của lòng bè (4) hướng Tây – Nam bị chìm một phần.

Phần góc trái của mái bè (4) hướng Tây – Nam bị cong vênh và gãy đổ.

- Khoảng cách giữa hai bờ TC – HN là 900 mét.

Kết quả kiểm tra số lượng cá basa giống còn lại trong lòng bè như sau:

- Bè số 2 thả nuôi 319.000 con cá basa giống 1 phân, chết hao hụt 40.000 còn lại 279.000 con. Kiểm tra trong lòng bè còn lại 88.119 con, có kích thước từ

11,5cm đến 12cm, chiều ngang lớn nhất có kích thước từ 2,8cm đến 3cm. Trọng lượng bình quân 52 con trên 01 kilôgam. Số lượng cá bị thiệt hại là 190.881 con.

+ Phần mái che bằng gỗ và thiết của bè số 02 bị gãy, hư hỏng hoàn toàn gồm: 24 cây cột gỗ đầu tám phân vuông, cao 3m/01cây, 18 cây kèo gỗ đầu loại 4 x 10, dài 3,5m/01cây, 14 cây đòn tay gỗ đầu 4 x 6, dài 12,2m/01 cây; thiết sóng tròn 26 tấm loại 3 dem, dài 3,5m/01 tấn, 20 tấm thiết sóng tròn loại 3 dem, dài 2m/01 tấm.

- Bè số 3 thả nuôi 695.800 con cá basa giống 1 phân, chết hao hụt 70.000 con, còn lại 625.800 con. Kiểm tra trong lòng bè còn lại 386.430 con, có kích thước dài từ 8 đến 10 cm, chiều ngang 2,5cm. Trọng lượng bình quân 100 con trên 01 kilôgam. Số lượng cá bị thiệt hại là 239.370 con.

Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 42, 43/BB-HĐĐG.TTHS ngày 08/8/2019 của Hội đồng định giá tài sản thị xã Tân Châu, xác định: Tổng thiệt hại, đối với cá basa là: 955.942.500 đồng; Tổng thiệt hại đối với 02 bè cá bằng gỗ là: 14.237.200 đồng. Tổng cộng: 970.197.700 đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thị xã Tân Châu trưng cầu Cục đăng kiểm An Giang, kiểm tra các thông số của phương tiện số hiệu AG 241.59. Kết quả kiểm tra hệ thống lái, neo, tín hiệu, máy chính hoạt động bình thường. Qua kiểm tra phương tiện phù hợp với hồ sơ Đăng kiểm đã được Chi cục đăng kiểm An Giang cấp ngày 10/10/2018 và có hiệu lực đến ngày 10/11/2019 theo giấy chứng nhận ATKT & BVMT số 03867/18V67.

Vật chứng thu giữ được trong vụ án: Phương tiện thủy (Sà Lan) vỏ thép số hiệu AG 24159; Bảng máy trưởng Đào Thái H số 02242.CC.M2; Giấy chứng nhận bảo hiểm tàu thủy nội địa số 1134 (Bảo Việt); Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện thủy nội địa số 03867; Giấy biên nhận giữ bản chính Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện giao thông đang thế chấp số 114; Giấy phô tô Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa số hiệu 24159; Giấy chứng nhận bảo hiểm tàu thủy nội địa (P JICO); Báo cáo kiểm tra kỹ thuật phương tiện thủy nội địa ngày 10/10/2018 của Chi cục đăng kiểm AG; Hợp đồng mua bán phương tiện thủy nội địa ngày 05/10/2018; Hóa đơn giá trị gia tăng dịch vụ đăng kiểm; Sổ danh bạ thuyền viên; Bảng thuyền trưởng phương tiện thủy nội địa mang tên Nguyễn Tấn Th (đã giao trả trong quá trình điều tra).

Ông Triệu Thành S, bà Nguyễn Thị Tuyết M đồng khai, ông S và bà M đã nhận tiền bồi thường thiệt hại về tài sản xong và không yêu cầu bồi thường gì thêm. Đồng thời, không yêu cầu xử lý hình sự đối với H.

Chị Nguyễn Thị Thúy A khai: Chị A là vợ của Nguyễn Tấn Th. Phương tiện tàu thủy (Sà Lan) số hiệu AG 241.59 là của chị và Th, Th là người quản lý và thuê người làm, việc Th giao phương tiện trên cho H điều khiển, chị hoàn toàn không biết. Hiện, chị đã nhận lại phương tiện tàu thủy (Sà Lan) trên.

Ông Lê Văn M, ông Nguyễn Văn Ph1, ông Nguyễn Hồng Ph (B), ông Trần Văn H, ông Lê Văn S1 (S1), bà Huỳnh Kim H1, ông Trần Việt H2, ông Phan Văn H3, ông Trần Văn N, ông Nguyễn Văn D, trình bày phù hợp với nội dung vụ án đã nêu.

Ngày 29/8/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thị xã Tân Châu ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can và ra lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú đối với Đồng Văn H và Nguyễn Tấn Th.

Cáo trạng số 68/CT-VKSTC ngày 28 tháng 10 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang đã truy tố Đồng Văn H về tội “*Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường thủy*” theo quy định điểm a, g khoản 2 Điều 272; Nguyễn Tấn Th về tội “*Giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện giao thông đường thủy*” theo quy định c khoản 2 Điều 276 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, các bị cáo H và Th; Bị hại ông S và bà M; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án chị Thúy A giữ nguyên lời khai ở giai đoạn điều tra, truy tố.

Ngoài ra, các bị cáo H, Th cùng ông S và bà M thống nhất khai, tổng thiệt hại theo Kết quả định giá trong tố tụng hình sự là 970.197.700 đồng. Tuy nhiên, các bị cáo và ông, bà thống nhất bồi thường thiệt hại 850.000.000 đồng có lập Th văn bản do ông S, bà M và ông Th ký tên. Số tiền bồi thường 850.000.000 đồng cho ông S và bà M do các bị cáo H và Th cùng nhau bồi thường cho bị hại và không yêu cầu Tòa án giải quyết số tiền bồi thường nêu trên. Ông Th và bà M có yêu cầu xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Chủ tọa công bố lời khai của những người tham gia tố tụng vắng mặt; cho các bị cáo và người tham gia tố tụng xem các bản ảnh hiện trường, bản ảnh phương tiện,... Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến.

Phát biểu quan điểm luận tội, Kiểm sát viên sau khi phân tích tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân của các bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố:

Bị cáo Đồng Văn H phạm tội “*Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường thủy*”, áp dụng điểm a, g khoản 2 Điều 272, điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Xử phạt bị cáo H 03 (ba) năm tù, cho hưởng án treo về tội “*Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường thủy*”. Thời gian thử thách 05 (năm) năm.

Bị cáo Nguyễn Tấn Th phạm tội “*Giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện giao thông đường thủy*” áp dụng điểm c khoản 2 Điều 276, điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa

án nhân dân tối cao, xử phạt bị cáo Nguyễn Tấn Th 03 (ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo về tội “*Giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện giao thông đường thủy*”. Thời gian thử thách 05 (năm) năm.

Các bị cáo H và Th có hoàn cảnh khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung.

Về xử lý vật chứng, đã giao trả cho chủ sở hữu trong quá trình điều tra nên không đề cập đến,

Về trách nhiệm dân sự, bị hại không yêu cầu các bị cáo bồi thường các khoản thiệt hại khác nên không đề cập.

Trong phần tranh luận, các bị cáo Đồng Văn H và Nguyễn Tấn Th không tranh luận với đại diện Viện kiểm sát, đồng ý theo Quyết định truy tố và quan điểm luận tội của Viện kiểm sát, không có ý kiến khác.

Bị hại ông S, bà M; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án chị Thúy A không tranh luận với đại diện Viện kiểm sát, không có ý kiến khác.

Các bị cáo nói lời sau cùng, xin giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- *Về tố tụng:*

[1] Thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị cáo Đồng Văn H gây tai nạn giao thông đường thủy, đụng vào 02 (hai) bè cá của ông S và bà M gây thiệt hại 970.197.700 đồng tại khu vực khóm LH1, phường LT, thị xã TC nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

[2] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thị xã Tân Châu, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Quá trình khởi tố, điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến khiếu nại.

[3] Những người làm chứng Lê Văn M, Nguyễn Văn Ph1, Nguyễn Hồng Ph, Trần Văn H, Lê Văn S1; Huỳnh Kim H1, Trần Việt H2, Phan Văn H3, Trần Văn N, Nguyễn Văn D đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt. Tuy nhiên, đã có lời khai trong hồ sơ vụ án, việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử. Căn cứ Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vắng mặt họ.

- *Về nội dung:*

[1] Về hành vi của các bị cáo và trách nhiệm hình sự:

Tại phiên tòa các bị cáo giữ nguyên lời khai ở giai đoạn điều tra, truy tố không thay đổi không bổ sung gì thêm.

Mặc dù, bị cáo H không có bằng thuyền trưởng phương tiện thủy nội địa theo quy định, nhưng vào khoảng 16 giờ, ngày 26/6/2019 bị cáo Th giao cho bị cáo H cùng anh Lê Văn M, anh Nguyễn Văn Ph1 (làm thuê cho bị cáo Th), điều khiển phương tiện tàu thủy (Sà Lan) số hiệu AG 241.59 đến xã VX, thị xã TC để nhận cát, bị cáo Th đi đôi bằng thuyền trưởng và khám bệnh sẽ lên sau. Sau khi được bị cáo Th giao, anh M điều khiển phương tiện thủy AG 241.59 cùng với bị cáo H và anh Ph1. Đến khoảng 00 giờ ngày 27/6/2019, anh M điều khiển phương tiện tàu thủy đến huyện CT, bị cáo H kêu anh M đi ngủ để bị cáo H điều khiển, bị cáo H điều khiển phương tiện tàu thủy đi theo hướng huyện CT - thị trấn CV, huyện PT, tỉnh AG. Đến khoảng 04 giờ cùng ngày, bị cáo H điều khiển phương tiện tàu thủy trên đến khu vực Sông Tiền thuộc khóm LH1, phường LT, thị xã TC, bị cáo H thấy trời đang chuyển mưa, nên bị cáo H buông tay lái ra, rồi đi ra phía trước buồng lái để đóng cửa sổ buồng lái lại, xong, bị cáo H đi trở vào buồng lái thì thấy phần mũi của phương tiện tàu thủy (Sà Lan), hướng vào bờ và đâm vào 02 bè nuôi cá basa giống của ông Triệu Thành S và bà Nguyễn Thị Tuyết M. Hậu quả làm 02 bè nuôi cá bị hư hỏng và cá trong bè thoát ra sông, gây thiệt hại về tài sản của ông S và bà M số tiền 970.197.700 đồng.

Đối với, bị cáo Nguyễn Tấn Th mặc dù bị cáo Th biết bị cáo H không có bằng thuyền trưởng phương tiện thủy nội địa theo quy định, nhưng ngày 27/6/2019, bị cáo Th vẫn giao cho bị cáo H cùng các anh M, Ph1 điều khiển phương tiện tàu thủy (Sà Lan) số hiệu AG 241.59 đến xã VX, thị xã TC để nhận cát. Vào khoảng 04 giờ 00 phút cùng ngày, bị cáo H đang điều khiển phương tiện tàu thủy trên đến khu vực Sông Tiền thuộc khóm LH1, phường LT, thị xã TC gây tai nạn đụng vào hai bè cá của ông S và bà M, gây thiệt hại tài sản của ông S và bà M số tiền 970.197.700 đồng.

Lời khai của các bị cáo H và Th phù hợp với lời khai của bị hại ông Triệu Thành S, bà Nguyễn Thị Tuyết M; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án chị Nguyễn Thị Thúy A; Những người làm chứng Lê Văn M, Nguyễn Văn Ph1, Nguyễn Hồng Ph, Trần Văn H, Lê Văn S1; Huỳnh Kim H1, Trần Việt H2, Phan Văn H3, Trần Văn N, Nguyễn Văn D. Đồng thời, lời khai của các bị cáo còn phù hợp với hiện trường vụ tai nạn được thể hiện tại biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 27/6/2019, sơ đồ hiện trường vụ tai nạn giao thông đường thủy ngày 27/6/2019, bản ảnh hiện trường ngày 27/6/2019 do Đội Cảnh sát giao thông – Công an thị xã Tân Châu lập; Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 42, 43/BB-HĐĐG.TTHS ngày 08/8/2019 của Hội đồng định giá tài sản thị xã Tân Châu, xác định: Tổng thiệt hại, đối với cá basa là: 955.942.500 đồng; Tổng thiệt hại đối với 02 bè cá bằng gỗ là: 14.237.200 đồng. Tổng cộng: 970.197.700 đồng và nhiều tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Từ các chứng cứ trên, đủ căn cứ xác định bị cáo H đã có hành vi điều khiển phương tiện tàu thủy (Sà Lan) số hiệu AG 241.59, không có bằng thuyền

trưởng phương tiện thủy nội địa theo quy định, tự ý đi khỏi buồng lái. Hậu quả Sà Lan do bị cáo H điều khiển đâm vào 02 bè nuôi cá basa giống của ông S và bà M, tổng thiệt hại tài sản 970.197.700 đồng. Mặc dù với lỗi vô ý, nhưng bị cáo H phải chịu trách nhiệm với hậu quả do hành vi của bị cáo gây ra. Bị cáo H là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc điều khiển phương tiện tàu thủy, không có bằng thuyền trưởng phương tiện thủy nội địa theo quy định là vi phạm quy định về an toàn giao thông đường thủy nội địa, gây thiệt hại về tài sản của ông S và bà M là vi phạm quy định tại khoản 6 Điều 8 Luật Giao thông đường thủy nội địa năm 2004, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Hành vi của bị cáo H đã đủ yếu tố cấu Th tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường thủy” với tình tiết định khung cấu Th tăng nặng “không có bằng, giấy chứng nhận khả năng chuyên môn hoặc chứng chỉ chuyên môn phù hợp với chức danh, loại phương tiện theo quy định” và “gây thiệt hại về tài sản từ 500.000.000 đồng đến 1.500.000.000 đồng” theo điểm a, g khoản 2 Điều 272 Bộ Luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Đối với bị cáo Th, mặc dù bị cáo Th biết bị cáo H, không có bằng thuyền trưởng phương tiện thủy nội địa theo quy định, nhưng ngày 27/6/2019 bị cáo Th giao phương tiện tàu thủy (Sà Lan) số hiệu AG 241.59 cho bị cáo H điều khiển đi nhận cát ở xã VX, thị xã TC. Đến khoảng 04 giờ 00 cùng ngày, bị cáo H gây tai nạn hậu quả gây thiệt hại về tài sản của ông S và bà M số tiền 970.197.700 đồng. Cho nên, bị cáo Th vẫn có lỗi trong việc bị cáo H gây tai nạn làm thiệt hại tài sản của ông S và bà M mặc dù với lỗi vô ý, nhưng bị cáo cũng phải chịu trách nhiệm với hậu quả do hành vi của bị cáo gây ra. Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc giao phương tiện đường thủy nội địa cho người không có bằng thuyền trưởng phương tiện thủy nội địa theo quy định là vi phạm quy định về an toàn giao thông đường thủy, gây thiệt hại về tài sản của người khác. Hành vi của bị cáo Th vi phạm quy tắc giao thông đường thủy nội địa quy định tại khoản 5a Luật Giao thông đường thủy nội địa năm 2004, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014, xâm phạm đến sự an toàn của hoạt động giao thông đường thủy nội địa cũng như sự an toàn về tài sản của người khác.

Hành vi của bị cáo Th đã đủ yếu tố cấu Th tội “*Giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện giao thông đường thủy*” với tình tiết định khung cấu Th tăng nặng “gây thiệt hại về tài sản từ 500.000.000 đồng đến 1.500.000.000 đồng” theo điểm c khoản 2 Điều 276 Bộ Luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu truy tố các bị cáo ra trước phiên tòa hôm nay và luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu tại phiên tòa là có căn cứ, đúng người, đúng tội và phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo H và Th luôn có thái độ Th khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo tự nguyện bồi thường thiệt hại khắc phục hậu quả cho bị hại; các bị cáo hiểu biết pháp luật có phần hạn chế; nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; phạm tội lần đầu; bị hại có yêu cầu giảm nhẹ hình phạt; riêng bị cáo H có bác ruột, anh ruột là người có công với cách mạng là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[3] Hình phạt: Các bị cáo H và Th có nhiều tình tiết giảm nhẹ theo khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; có nơi cư trú rõ ràng, nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Xét, không cần thiết phải cách ly các bị cáo H và Th với xã hội, có thể để các bị cáo tự lao động dưới sự giám sát của chính quyền địa phương cũng đủ tác dụng giáo dục. Hội đồng xét xử xem xét áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự quyết định cho các bị cáo một mức phạt tù có điều kiện để các bị cáo thấy được chính sách khoan hồng của Đảng và Nhà nước mà tự cải tạo trở thành công dân tốt, có ích cho gia đình và xã hội.

Gia đình bị cáo H có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân phường AL, thị xã HN, tỉnh DT trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Gia đình bị cáo Th có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã TP, huyện TB, tỉnh CM trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo, theo quy định tại khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[4] Về trách nhiệm dân sự, các bị cáo đã bồi thường tổng số tiền 850.000.000 đồng cho bị hại. Đồng thời, bị hại không yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại thêm nên không đề cập đến.

[5] Về xử lý vật chứng, các vật chứng đã được giao trả cho chủ sở hữu trong quá trình điều tra, chủ sở hữu không có yêu cầu khác nên không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Theo quy định tại Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ vào điểm a, g khoản 2 Điều 272; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017;*

Tuyên bố bị cáo Đồng Văn H phạm tội “*Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường thủy*”;

Xử phạt: Đồng Văn H 03 (Ba) năm tù, cho hưởng án treo.

Thời hạn thử thách của bị cáo là 05 (năm) năm kể từ ngày tuyên án 20/11/2019 (hai mươi, tháng mười một, năm hai nghìn không trăm mười chín).

Giao bị cáo Đồng Văn H cho Ủy ban nhân dân phường AL, thị xã HN, tỉnh ĐT giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo”.

*Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 276; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017;*

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Tấn Th phạm tội “*Giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện giao thông đường thủy*”;

Xử phạt: Nguyễn Tấn Th 03 (Ba) năm tù, cho hưởng án treo.

Thời hạn thử thách của bị cáo là 05 (năm) năm kể từ ngày tuyên án 20/11/2019 (hai mươi, tháng mười một, năm hai nghìn không trăm mười chín).

Giao bị cáo Nguyễn Tấn Th cho Ủy ban nhân dân xã TP, huyện TB, tỉnh CM giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

*Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136, Điều 333, Điều 337 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;*

Các bị cáo H, Th; mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo H, Th, bị hại ông S, bà M, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án chị A có mặt có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- Viện KSND thị xã (1);
- Viện KSND tỉnh (1);
- Tòa án nhân dân tỉnh (1);
- Sở Tư pháp (1);
- Trại tạm giam (1);
- Phòng hồ sơ (1);
- Chi cục THADS thị xã (1);
- Bộ phận THA Tòa án (1);
- UBND cấp xã nơi BC cư trú (1);
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà**

**Huỳnh Thị Bạch Tuyết**